



GIỚI THIỆU

**LUẬT SỐ 106/2016/QH13 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, LUẬT THUẾ TIÊU THỤ
ĐẶC BIỆT VÀ LUẬT QUẢN LÝ THUẾ**

(Tài liệu họp báo công bố luật vào ngày 29/4/2016)

Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) và Luật quản lý thuế đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06/4/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ GTGT, LUẬT THUẾ TTĐB VÀ LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2015 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, biến động khó lường, giá dầu giảm mạnh, tỷ giá nhiều đồng tiền biến động lớn. Kinh tế trong nước tiếp tục ổn định và đạt được một số kết quả khá: Tăng trưởng theo xu hướng tích cực, sản xuất công nghiệp có chuyển biến tích cực. Các cân đối vĩ mô được giữ ổn định. Giá xăng dầu giảm là yếu tố hỗ trợ cho các doanh nghiệp và kích thích tiêu dùng. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn, kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu suy giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời, cộng đồng kinh tế ASEAN đã chính thức được thành lập vào cuối năm 2015, tiến trình đàm phán nhiều Hiệp định thương mại tự do đã kết thúc. Đối với một số hàng hóa, nhất là ô tô nguyên chiếc từ 9 chỗ trở xuống từ năm 2018 thuế nhập khẩu từ ASEAN về 0%; các hiệp định thương mại tự do (FTA) khác cũng lần lượt có mức thuế nhập khẩu là 0% sau đó 3-7 năm. Trước những cơ hội và thách thức mới, nền kinh tế nước ta sẽ tiếp tục đối mặt với không ít khó khăn, thách thức do năng lực cạnh tranh của nhiều ngành sản xuất còn thấp, giá trị thương hiệu chưa cao, ngành công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển, nguy cơ mất thị trường trong nước là rất lớn. Do vậy, để hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp vượt qua khó khăn, thách thức thì cần thiết phải có những giải pháp về thuế GTGT, thuế TTĐB và quản lý thuế cho phù hợp.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU SỬA ĐỔI LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ GTGT, LUẬT THUẾ TTĐB VÀ LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

1. Góp phần giải quyết khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất nhất là sản xuất, lưu thông nông sản, thủy hải sản trong nước. Đồng thời phòng chống tình trạng gian lận về hoàn thuế GTGT trong khâu lưu thông đối với hàng hóa nông sản, thủy hải sản; bổ sung quy định để khuyến khích chế biến sâu, hạn chế đối với việc xuất khẩu khoáng sản hoặc sản phẩm mà giá trị khoáng sản trong giá trị hàng hóa thô chưa qua chế biến, khuyến khích chế biến sâu.

2. Điều chỉnh chính sách thuế để hỗ trợ doanh nghiệp chủ động trong đầu tư phát triển sản xuất nâng cao năng lực cạnh tranh khi thời điểm thực hiện các cam kết giảm dần tiến tới bỏ hàng rào thuế quan theo các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế đang tới gần (2-3 năm). Những sửa đổi bổ sung không trái những cam kết hội nhập quốc tế mà Việt Nam đã ký (10 Hiệp định thương mại tự do FTA) và sẽ ký, được thông qua (TPP, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu,...).

3. Tiếp tục góp phần đơn giản, minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và đẩy mạnh cải cách hành chính và hiện đại hoá công tác quản lý thuế, phù hợp với xu thế cải cách hệ thống thuế.

III. VỀ NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Về thuế GTGT (02 nội dung):

a) Về đối tượng không chịu thuế GTGT:

- Bổ sung quy định: Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- Bổ sung quy định: Dịch vụ chăm sóc người cao tuổi thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

b) Về hoàn thuế GTGT:

- Bổ quy định hoàn thuế GTGT đối với trường hợp cơ sở kinh doanh có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ lũy kế sau ít nhất mười hai tháng hoặc ít nhất sau bốn quý, thay vào đó doanh nghiệp được kết chuyển số thuế GTGT chưa khấu trừ hết (không hoàn) để khấu trừ vào số thuế GTGT kỳ sau nhằm bảo đảm phù hợp với bản chất của thuế GTGT, giảm thủ tục trong kê khai khấu trừ và nộp, hoàn thuế GTGT.

- Đối với dự án đầu tư:

Bổ sung quy định cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:

+ Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động;

+ Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.

Đồng thời, để đồng bộ với quy định này, Luật đã bổ sung quy định sản

phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để khuyến khích chế biến sâu, tạo giá trị gia tăng trong nước.

- Hoàn thuế GTGT đối với xuất khẩu:

Bổ sung quy định cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.

2. Về thuế TTĐB (03 nội dung):

a) Quy định về giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở nhập khẩu bán ra nhằm bảo đảm bình đẳng giữa hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước.

b) Bổ sung quy định làm rõ giá tính thuế TTĐB đối với trường hợp cơ sở nhập khẩu, cơ sở sản xuất bán hàng cho cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết để đảm bảo minh bạch.

c) Về thuế suất thuế TTĐB đối với ô tô chở người dưới 24 chỗ:

- Đối với dòng xe ô tô từ 9 chỗ trở xuống, điều chỉnh mức thuế suất thuế TTĐB như sau:

+ Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm³ trở xuống: Từ ngày 01/7/2016 áp dụng thuế suất 40% (giảm 5% so với hiện hành), từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 35% (giảm 10% so với hiện hành);

+ Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm³ đến 2.000 cm³: Từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 40% (giảm 5% so với hiện hành);

+ Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm³ đến 3.000 cm³: Từ ngày 01/7/2016 áp dụng thuế suất 55% (tăng 5% so với hiện hành), từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 60% (tăng 10% so với hiện hành);

+ Tăng thuế suất thuế TTĐB ở mức cao và đặc biệt cao đối với các dòng xe có dung tích xi lanh trên 3.000 cm³ cùng với việc phân chia thành 04 (bốn) nhóm nhỏ: (1) Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm³ đến 4.000 cm³; (2) Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm³ đến 5.000 cm³; (3) Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm³ đến 6.000 cm³; (4) Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm³; vì đây là những dòng xe tiêu hao nhiên liệu, kích thước lớn chưa phù hợp với điều kiện hạ tầng giao thông và thu nhập người dân, lượng khí thải ra môi trường lớn.

- Đồng thời, một số dòng xe khác được điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB cho đồng bộ.

(Chi tiết tại Biểu trình kèm).

3. Về Luật quản lý thuế (02 nội dung):

a) Về mức thuế được miễn nộp NSNN

Bổ sung quy định miễn thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp hàng năm từ 50.000 đồng trở xuống để cải cách thủ tục hành chính.

b) Về tỷ lệ tính tiền chậm nộp

Sửa đổi quy định về tỷ lệ tính tiền chậm nộp thuế tại Luật quản lý thuế theo mức bằng 0,03%/ngày (thay cho mức 0,05%/ngày) tính trên số tiền thuế chậm nộp để phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của người nộp thuế, giảm áp lực cho người nộp thuế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban hành văn bản hướng dẫn:

Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Vì vậy, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với một số cơ quan để ban hành văn bản hướng dẫn như sau:

Trong tháng 6/2016: Bộ Tài chính hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế. Đồng thời, Bộ Tài chính chủ động dự thảo, lấy ý kiến và ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật: Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật đến các đối tượng liên quan (cán bộ ngành tài chính, thuế, doanh nghiệp, nhân dân...) thông qua các hình thức tổ chức hội nghị, hội thảo, đăng website, trả lời trực tuyến, in và phát hành sách... ll

Phụ lục

Nội dung sửa đổi về thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô dưới 24 chỗ

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
4	Xe ô tô dưới 24 chỗ	
	a) Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	
	- Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm ³ trở xuống	
	+ Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017	40
	+ Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018	35
	- Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm ³ đến 2.000 cm ³	
	+ Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017	45
	+ Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018	40
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm ³ đến 2.500 cm ³	50
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm ³ đến 3.000 cm ³	
	+ Từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017	55
	+ Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018	60
	- Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm ³ đến 4.000 cm ³	90
	- Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm ³ đến 5.000 cm ³	110
	- Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm ³ đến 6.000 cm ³	130
	- Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm ³	150
	b) Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	15
	c) Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	10
	d) Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều	

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
	này	
	- Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm ³ trở xuống	15
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm ³ đến 3.000 cm ³	20
	- Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm ³	25
	đ) Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng	Bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này
	e) Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học	Bằng 50% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này
	g) Xe ô tô chạy bằng điện	
	- Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống	15
	- Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	10
	- Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	5
	- Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng	10
	h) Xe mô-tô-hôm (motorhome) không phân biệt dung tích xi lanh	
	Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017	70
	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018	75